

## T 10/1 ADV

T 10/1 Professional là dòng thiết bị được cải tiến, nhằm phục vụ công tác hút bụi chuyên nghiệp cho các nhóm khách hàng mục tiêu như: Nhà hàng khách sạn, nhà thầu vệ sinh,... Thiết bị gồm một dây nguồn (12m), một khớp nối chống tĩnh điện, một bộ tích hợp dây nguồn, một màng lọc chính cho phép hút bụi cực mạnh.



Mã đặt hàng

1.527-154.0

### Thông số kỹ thuật

4039784725157

Số pha	Ph	1
Điện áp	V	220 – 240
Tần số	Hz	50 – 60
Lực hút	mbar / kPa	220 / 22
Lưu lượng khí	l/s	43
Hiệu suất	W	700
Dung tích thùng chứa	l	10
Bề rộng quy định theo tiêu chuẩn		ID 35
Chiều dài dây điện	m	12
Độ ồn	dB(A)	57
Màu sắc		Màu than
Trọng lượng chưa gắn phụ kiện	Kg	5,4
Trọng lượng bao gồm bao bì	Kg	9,194
Kích thước (D × R × C)	mm	355 × 310 × 410

### Phạm vi cung cấp

Chiều dài ống hút bụi: 2 m
Tay cầm hút bụi: Chống tĩnh điện, có bộ điều chỉnh lưu lượng không khí
Số lượng thanh hút nổi dài: 2 Unit
Chiều dài thanh hút: 505 mm
Chất liệu thanh hút: Thép, mạ crôm
Vòi xử lý sàn đảo được
Số lượng túi lọc bụi: 1 Unit
Chất liệu túi lọc bụi: Lông cừu
Bộ lọc bảo vệ động cơ
Lõi lọc chính: Lông cừu

### Thiết bị

Vật liệu thùng chứa: Nhựa
Ngăn xếp dây nguồn theo máy
Dây cắm nguồn: Tiêu chuẩn



### Màng lọc chính có định dạng tròn cỡ lớn bằng vải ni có thể chùi rửa

- Cực mạnh và đủ dày để hút bụi trong thời gian dài.



### Dễ bảo dưỡng

- Dây nguồn có thể thay thế nhanh chóng và dễ dàng chỉ bằng cách nới lỏng hai đinh vít. Thao tác này giúp tiết kiệm thời gian và chi phí bảo dưỡng.



### Công tắc chân càng thêm tiện lợi

- Không cần cúi xuống.

## PHỤ KIỆN CHO T 10/1 ADV 1.527-154.0



		Mã đặt hàng		
<b>BỘ LỌC T/NT</b>				
<b>Thùng lọc chính</b>				
Rổ lọc chính vĩnh viễn, T 7, T 10, T 15, T 17	1	5.731-649.0	Khung nhựa với vật liệu lông cừu gia cố, chịu được nhiệt độ đến 40°C.	<input checked="" type="checkbox"/>
Rổ lọc chính vĩnh viễn, T 10/1	2	2.889-292.0	Rổ lọc chính, được thiết kế để sử dụng với bộ lọc HEPA 14 (mã đặt hàng 2.889-293.0).	<input type="checkbox"/>
<b>Bộ lọc khí thải</b>				
Bộ lọc bảo vệ động cơ, 1 Unit, T 9/1 Bp, T 7, T 8, T 10, T 11, T 12, T 15	3	6.414-022.0		<input checked="" type="checkbox"/>
Bộ lọc bảo vệ động cơ, 3 Unit, BV 5/1, T 7, T 8, T 9, T 10, T 11, T 12, T 15	4	2.889-119.0	Bộ lọc bảo vệ động cơ, lông cừu có thể tháo rời, có thể thay thế khi bị bẩn nhiều.	<input type="checkbox"/>
<b>HEPA Filter</b>				
Bộ lọc HEPA 14 T 10/1	5	2.889-294.0	Bộ lọc HEPA: bao gồm bộ lọc HEPA H14 (2.889-293.0) và giỏ lọc chính tương thích.	<input type="checkbox"/>
Bộ lọc HEPA T 10/1	6	2.889-293.0	Tăng khả năng lọc và cải thiện không khí của quạt gió: Bộ lọc HEPA 14 hiệu quả cao cung cấp mức độ tách biệt là 99,995% và được chứng nhận theo tiêu chuẩn thử nghiệm DIN EN 1822: 2019.	<input type="checkbox"/>
<b>Túi lọc vải</b>				
Túi lọc vải	7	6.904-316.0	Túi lọc cotton, có thể giặt đến 40°C, phù hợp với các dòng máy hút bụi khô T7 / 1, T 10/1 và T 12/1.	<input type="checkbox"/>
<b>KHỚP UỐN</b>				
<b>Khớp uốn nhựa</b>				
Ống hút cong	8	2.889-148.0	Ống hút cong công thái học cho hệ thống kẹp mới. Với nắp trượt điều khiển luồng không khí, trong một thiết kế chống tĩnh điện.	<input checked="" type="checkbox"/>
<b>ĐẦU HÚT</b>				
<b>Bàn hút sàn</b>				
Đầu hút kết hợp	9	2.889-129.0	Đầu hút sàn bằng nhựa, ID 35 và có thể chuyển đổi.	<input checked="" type="checkbox"/>
Đầu hút gỗ	10	2.889-196.0	Đầu hút gỗ với chiều rộng làm việc rộng	<input type="checkbox"/>
	11	2.889-197.0		<input type="checkbox"/>
Floor tool packaged	12	2.889-360.0		<input type="checkbox"/>
<b>Đầu hút khe</b>				
Đầu hút khe	13	2.889-130.0	Đầu hút khe bằng nhựa	<input type="checkbox"/>
<b>Đầu hút đệm</b>				
Upholstery nozzle complete NW35	14	6.905-998.3		<input type="checkbox"/>

■ Có bao gồm khi giao hàng    □ Phụ kiện đang có hàng

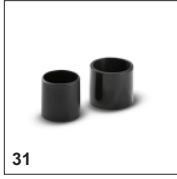
## PHỤ KIỆN CHO T 10/1 ADV 1.527-154.0



		Mã đặt hàng		
<b>ĐẦU HÚT</b>				
<b>Đầu hút turbo</b>				
Floor tool TURBO DN 35/32	15	2.860-277.0		<input type="checkbox"/>
Đầu hút Turbo	16	2.860-113.0	Đầu hút turbo bằng nhựa (DN 35/32, 160 mm) với ống giảm áp.	<input type="checkbox"/>
<b>ỐNG HÚT</b>				
<b>Ống hút, kim loại</b>				
Bộ ống hút, mạ crom	17	6.902-074.0	Ống hút, kim loại, mạ crom, NW 35. Chiều dài: 0,5 mét.	<input checked="" type="checkbox"/>
<b>Suction hoses with clip system 2.0 (compatible with vacuum cleaners from model year 2017 on)</b>				
Ống hút	18	2.889-161.0	Ống hút linh hoạt, mạnh mẽ và bền với kẹp mới. Lý tưởng cho máy hút bụi khô của chúng tôi. Dài 2 m. Chiều rộng danh nghĩa: DN 35.	<input checked="" type="checkbox"/>
Extension hose conductive packaged NW35	19	2.889-343.0		<input type="checkbox"/>
<b>Kết nối ống</b>				
Bộ chuyển đổi, ID 32/35, với ren trong	20	6.902-077.0	Bộ chuyển đổi không dẫn điện có ren trong. Để kết nối hai ống hút không có đầu nối. Thích hợp cho DN 32 hoặc DN 35.	<input type="checkbox"/>
<b>BỘ ĐẦU PHUN</b>				
Bộ đầu hút DN35: đầu hút khe, đầu hút vải bọc, bàn chải hút, ID 35	21	2.860-116.0	Bộ đầu hút cho tất cả máy hút bụi NT với các phụ kiện DN 35 bao gồm dụng cụ cho khe, dụng cụ cho vải, bàn chải tròn (x3). Bộ đầu hút này phù hợp với tất cả các máy hút bụi khô và máy hút bụi ướt của Kärcher.	<input type="checkbox"/>
<b>PHỤ KIỆN KHÁC NT</b>				
Kẹp chuyển đổi mới trên kẹp cũ DN 35	22	2.889-312.0	Bộ chuyển đổi để kết nối các ống của hệ thống phụ kiện mới của máy hút bụi khô và ướt và khô để uốn cong hoặc các ống nối dài của hệ thống cũ. Đối với chiều rộng danh nghĩa DN 35.	<input type="checkbox"/>
<b>PHỤ KIỆN KHÁC CHO MÁY HÚT BỤI KHÔ</b>				
Bộ sửa chữa Kaercher NW35	23	2.639-329.0	Bộ sửa chữa cho các phụ kiện của máy hút bụi khô trong DN 35. Bộ này bao gồm một vòng ren và kẹp, một bộ chuyển đổi kết nối, cũng như một miếng seal.	<input type="checkbox"/>
Set hand nozzle	24	2.889-361.0		<input type="checkbox"/>
<b>FILTER BAGS</b>				
<b>Túi lọc vải bông</b>				
Túi lọc lông cừu, 10 Unit, T 10, T 12, Trek Vac 2, Trek Vac 3	25	6.904-315.0	Túi lọc lông cừu 3 lớp chống rách cực tốt, chống bụi cấp M. Túi lọc lông cừu có sức chứa gấp 2 đến 3 lần túi lọc giấy thông thường. Tiêu chuẩn cho máy hút bụi khô T 10/1 và T 12/1.	<input type="checkbox"/>
Túi lọc lông cừu, 200 Unit, T 10, T 12, Trek Vac 2, Trek Vac 3	26	6.904-321.0	Túi lọc lông cừu, 3 lớp, chống rách, loại M / gói tiêu dùng số lượng lớn	<input type="checkbox"/>
<b>Túi lọc giấy</b>				
Túi lọc bụi, 10 Unit, T 7/1, T 9/1, T 10/1	27	6.904-333.0	10 túi lọc giấy (BIA-C lớp M), thích hợp cho tất cả các máy hút bụi khô công nghiệp (ví dụ: T 7/1 và T 10/1).	<input type="checkbox"/>
Túi lọc bụi, 300 Unit, T 7/1, T 9/1, T 10/1	28	6.904-337.0	Đối với người tiêu dùng số lượng lớn: 300 túi lọc giấy (BIA-C loại bụi M) phù hợp với tất cả các máy hút bụi khô công nghiệp T 7/1 và T 10/1.	<input type="checkbox"/>

■ Có bao gồm khi giao hàng    □ Phụ kiện đang có hàng

**PHỤ KIỆN CHO T 10/1 ADV**  
**1.527-154.0**



		Mã đặt hàng		
<b>CONNECTING SLEEVES</b>				
<b>Thiết bị nối dài (ống -&gt; đầu hút)</b>				
Đầu chuyển	29	6.902-083.0	Từ DN 32 đến DN 35: Bộ chuyển đổi bằng nhựa (không dẫn điện). Thích hợp cho máy hút bụi khô ướt NT và máy hút bụi đeo vai BV.	<input type="checkbox"/>
<b>Ống hơi thu ngắn</b>				
Bộ giảm tốc từ ID 35 đến ID 32	30	6.902-072.0	Bộ giảm tốc với hình nón kết nối bên trong DN 32. Lý tưởng cho các phụ kiện từ dòng máy hút bụi công nghiệp kết hợp với máy hút bụi khô ướt công nghiệp NT.	<input type="checkbox"/>
<b>Bộ tiếp hợp thu ngắn/nối dài</b>				
Bộ giảm tốc / ống bọc bộ điều hợp	31	2.860-117.0	DN 40/35, DN 35/32 (ống -> vòi), nhựa.	<input type="checkbox"/>

Phụ kiện đang có hàng